

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 07/09/2022

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nghi

Bà Trần Thị Lệ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 06 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị N – sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: xóm 4, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Vũ Văn K – sinh năm 1975.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: xóm 4, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Vũ Thị N trình bày: chị và anh Vũ Văn K sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 01 năm 2003 tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn chị và anh K về chung sống

cùng bố mẹ anh K tại xóm 4, xã N và vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn một tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống nên dẫn đến cả việc mâu thuẫn với gia đình chồng. Mặc dù được hai bên gia đình phân tích hòa giải và anh chị cùng cố gắng khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có tiếng nói chung nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên từ giữa năm 2003 chị và anh K đã quyết định sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh K không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh K không có tài sản chung và công nợ nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Vũ Văn K hiện đang cư trú tại xóm 4, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng như thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh K thông qua anh trai là anh Vũ Văn T. Tuy nhiên, Anh K không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án đồng thời không cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị N và anh Vũ Văn K ly hôn.
- Án phí: Chị Vũ Thị N nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị N có đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” với anh Vũ Văn K, anh K có nơi cư trú tại: Xóm 4, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn là chị Vũ Thị N, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Vũ Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Vũ Văn K có đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 01 năm 2003 tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh K là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh K tại xóm 4, xã N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai tháng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bắt đầu quan điểm lối sống, cả hai không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặt khác anh chị kết hôn và về chung sống nhưng không có con chung. Thời gian sau đó anh chị đã sống ly thân nhau và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Về phía anh K mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng anh K không có bản tự khai, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, có thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Điều đó thể hiện anh K không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng cũng như không có biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn tình cảm và về đoàn tụ.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã N xác định chị N và anh K hiện đang cư trú tại địa phương xóm 4, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Anh chị có Đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã N, sau khi kết hôn anh chị về làm ăn sinh sống tại xóm 4, xã N và chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn sau đó từ giữa năm 2003 chị N bỏ đi và không về chung sống cùng anh K nữa. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm bắt được do không nhận được bất kỳ đơn thư hay báo cáo gì của chị N và anh K. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh K quan điểm của UBND xã là đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các bên để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy chị N và anh K chung sống với nhau một thời gian ngắn đã đã phát sinh mâu thuẫn và cả hai đều không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh chị đã sống ly thân nhau 19 năm nay và không có con chung, như vậy quan hệ hôn nhân của hai anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Hiện cả chị N và anh K mỗi người đều có cuộc sống riêng và không quan tâm đến nhau nữa. Mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn

[3] Về con chung: Chị N và anh K không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N và anh K không có tài sản chung, khi ly hôn N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Vũ Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Vũ Văn K

2/ Về án phí: Chị Vũ Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004884 ngày 20 tháng 06 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
- Đường sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trần Thị Khanh**